TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẾN LỨC** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 21-01-2025
V/v "tranh chấp về ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LỨC, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Đông

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Kim Thái Long

2. Ông Vũ Văn Hoàng

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Minh Vương– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

Ngày 21 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An tiến hành xét xử công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm thụ lý số: 283/2024/TLST-HNGĐ ngày 08/10/2024 về việc "Tranh chấp về ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 91/2024/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Huỳnh Ngọc Th, sinh năm 1974 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố K, thị trấn Bến L, huyện Bến L, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Ông Trần Minh Đ, sinh năm 1973 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố K, thị trấn Bến L, huyện Bến L, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11/6/2024 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Huỳnh Ngọc Th trình bày:

Sau thời gian quen biết, tìm hiểu nên giữa bà Huỳnh Ngọc Th và ông Trần Minh Đ tiến đến hôn nhân; ông bà có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn Bến L, huyện Bến L, tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 30/8/2001. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc và có 03 người con chung; thời gian sau đó, giữa ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn; nguyên nhân là do vợ chồng không cùng quan điểm trong công việc, phát triển kinh tế gia đình. Ông bà đã ly thân từ năm 2022 cho đến nay nhưng không ai có thiện chí hàn gắn

tình cảm vợ chồng. Nay, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Th khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Th yêu cầu được ly hôn với ông Đ.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, bà Th và ông Đ có 03 con chung tên Trần Thị Quỳnh Nh1, sinh ngày 03/12/2003, Trần Thị Thanh Ng1, sinh ngày 01/8/1997 và Trần Thị Thanh Tr1, sinh ngày 17/5/1999. Hiện tại, các con chung đều đã trưởng thành nên bà Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Th xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Bến Lức căn cứ quy định tại các Điều 196, Điều 199 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành thực hiện thủ tục tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án gồm: Thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; ghi ý kiến của bị đơn ông Trần Minh Đ đối với yêu cầu khởi kiện của bà Th. Tuy nhiên, bị đơn ông Đ cố tình vắng mặt và không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Th khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp về ly hôn với ông Đ. Căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là "Tranh chấp về ly hôn".

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn ông Trần Minh Đ có địa chỉ thường trú tại Khu phố K, thị trấn Bến L, huyện Bến L, tỉnh Long An. Căn cứ khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An có thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[3]. Về vắng mặt đương sự tại phiên tòa: Bị đơn ông Trần Minh Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng cố tình vắng mặt. Nguyên đơn bà Huỳnh Ngọc Th, trong quá trình giải quyết vụ án có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Do đó, Tòa án căn cứ khoản 1, 3 Điều 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà Th, ông Đ.

[4]. Xét yêu cầu ly hôn của bà Th thấy rằng: Bà Th và ông Đ xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2001, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn Bến L, huyện Bến L, tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 30/8/2001 nên hôn nhân giữa bà Th và ông Đ là hôn nhân hợp pháp.

Xét nguyên nhân chủ yếu dẫn đến mâu thuẫn là do bà Th và ông Đ không cùng quan điểm trong công việc, phát triển kinh tế gia đình, nuôi dạy con chung. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2022 cho đến nay nhưng cũng không ai có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng; ông Đ đã được Tòa án triệu tập nhiều lần đến Tòa án để trình bày ý kiến, đưa ra giải pháp đối với yêu cầu khởi kiện của bà Th, để vợ chồng đoàn tụ nhưng ông Đ cố tình vắng mặt, phần nào thể hiện ông Đ

không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, chứng tỏ tình trạng hôn nhân đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà Th khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Đ là có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Th.

[5]. Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, bà Th và ông Đ có 03 con chung tên Trần Thị Quỳnh Nh1, sinh ngày 03/12/2003, Trần Thị Thanh Ng1, sinh ngày 01/8/1997 và Trần Thị Thanh Tr1, sinh ngày 17/5/1999. Các con chung đều đã trưởng thành, bà Th không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét đến.

[6]. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Th xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét đến.

[7]. Về án phí: Bà Th phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1, 3 Điều 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

- Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Ngọc Th đối với ông Trần Minh Đ về tranh chấp ly hôn, nuôi con chung.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Ngọc Th được ly hôn với ông Trần Minh Đ.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Huỳnh Ngọc Th phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn nhưng được khấu trừ số tiền 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí bà Th đã nộp theo biên lai thu số 000.7738 ngày 08/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo qui định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Long An;
-VKSND huyện Bến Lức;
-CCTHADS huyện Bến Lức;
- UBND thị trấn Bến L;
-Các đương sự;
-Lưu HS-AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa

Nguyễn Đình Đông